TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2023/DS-PT
Ngày 27 tháng 10 năm 2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11812/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Chị Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Nhà số D N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Nhà số A, Ngách C Ngõ D, đường L, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T2, Phó Giám đốc Văn phòng Đ1 Chi nhánh V (Giấy ủy quyền số 1348/UQ-STNMT ngày 06/5/2022).

3.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Nhà số A, Ngách C Ngõ D, đường L, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.3. Anh Nguyễn Anh T3, sinh năm 1994; địa chỉ: Nhà số A, Ngách C Ngõ D, đường L, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T (là nguyên đơn).

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T, chị Dương Thị Ánh H có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp của bà T trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Q (sinh năm 1945, chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị C (sinh năm 1947, chết năm 2015) sinh được hai người con là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T. Khi cụ Q còn sống thì gia đình ở thửa đất có diện tích 937m^2 tại phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi cụ Q chết được một thời gian ngắn, khoảng năm 1975 thì cụ C đưa các con là ông T1, bà T về ở tại thửa đất 361m^2 của bố cụ C là cố Nguyễn Văn Đ. Ngày 16/5/2003, cố Nguyễn Văn Đ lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ và con gái là Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 389, tờ bản đồ số 10, diện tích 361m^2 tại TDP Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 11/7/2003 cụ Nguyễn Thị C đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số U.490306, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00299 QSDĐ/730/QĐ-UB mang tên hộ bà Nguyễn Thị C đối với 361m^2 đất (gồm 150m^2 đất ở và 211m^2 đất vườn), thuộc thửa đất số 389, tờ bản đồ số 10, địa chỉ phường Đ, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc nay là phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây viết tắt là: thửa đất số 389). Khi cụ C còn sống, cụ không có ý nguyện để lại đất này cho ai, đến ngày 12/6/2015 cụ C chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ C chết, thửa đất nêu trên vẫn do anh trai bà T là ông Nguyễn Văn T1 quản lý và sử dụng. Anh em bà T chưa bao giờ thống nhất phân chia di sản thừa kế của mẹ đối với diện tích đất nêu trên.

Khoảng tháng 01/2021, khi làm thủ tục hành chính tại phường Đ, bà T mới được biết ông T1 đã tự ý khai nhận di sản thừa kế cho mình toàn bộ diện tích đất 361m^2 (gồm 150m^2 đất ở và 211m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 389 đứng tên cụ C nêu trên. Hiện nay, ông T1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSD đất số: CĐ 101380; số vào sổ cấp GCN: CS 04003 ngày 23/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 56, diện tích 352,8m^2 (gồm 150m^2 đất ở và 202,8m^2 đất vườn), địa chỉ tại TDP Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây viết tắt là: thửa đất số 95).

Do ông T1 tự ý chiếm giữ và kê khai gian dối để chuyển đất cụ C để lại thành đất của ông T1 mà không được sự đồng ý của bà T là trái quy định pháp luật và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án:

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CĐ 101380, số vào sổ cấp GCN: CS 04003, ngày cấp 23/5/2016 đối với diện tích đất 352,8m^2, thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, địa chỉ thửa đất tại TDP Đ, phường Đ, thành phố V đứng tên ông Nguyễn Văn T1;

- Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại là diện tích đất 352,8m^2, thuộc thửa đất số 95 nêu trên theo pháp luật và bà T xin hưởng bằng hiện vật.

Bà T xác định toàn bộ tài sản trên đất đang yêu cầu chia thừa kế là do hộ gia đình ông T1 tạo lập được, không phải là di sản thừa kế của cụ C để lại nên không đề nghị chia các tài sản có trên đất.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Khi còn sống, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị C có nhắc đi nhắc lại nhiều lần về việc chia đất cho hai anh em là ông và em gái là bà Nguyễn Thị Thanh n sau: Khi mẹ chết thì đất của các cụ tổ tiên để lại cho cụ C sẽ được để lại cho ông T1 có diện tích là 361m^2; còn phần của bà T là được chia ở thửa đất trên thôn Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là 100m^2. Thửa đất bà T được chia 100m^2 đứng tên ông từ năm 2003 ở thôn Đ, phường Đ và khác với thửa đất bà T đang khởi kiện. Khi mẹ ông phân chia đất có mặt bà Nguyễn Thị T và bà T đã đồng ý cách chia đất của mẹ ông.

Sau khi cụ C chết, ông đã làm theo di nguyện của mẹ. Tháng 8/2020 ông đã chia cho bà Nguyễn Thị T 01 ô đất có diện tích là 130m^2 ở thôn Đ, Đ, V, Vĩnh

Phúc theo đúng di nguyện của mẹ ông. Khi xuống để lấy phần đất, bà T nói: anh, chị (tức chị Nguyễn Thị H1) cho em lấy phần đất của mẹ đã nói trước khi mẹ mất để em cho con em ở, còn phần đất ở thôn Đ là toàn bộ anh (tức ông T1) được ở để thờ cúng các cụ, ông, bà, tổ tiên. Đây là đất của tổ tiên để lại. Khi bà T xuống thì có ông (T1), bà T và con ông là Nguyễn Anh T3 vừa đi làm về ngồi ở bên giường nhà ông đã chứng kiến toàn bộ sự việc hôm đó (khoảng tháng 7/2020).

Từ khi mẹ ông chết, ông đã làm đúng theo di nguyện của mẹ và bà Nguyễn Thị T đã hoàn toàn đồng ý là ông đã làm đúng theo di nguyện của mẹ. Còn việc sang tên thửa đất của mẹ ông cho ông ở thôn Đ (thửa đất đang tranh chấp) là ông đã làm đúng theo lời phân chia đất đai mà mẹ ông đã nói, khi đó có cả bà T và bà T đã hoàn toàn đồng ý.

Năm 1991, ông T1 lấy vợ là bà Nguyễn Thị H1. Vợ chồng ông đã lao động để nuôi và chăm lo cho cố Nguyễn Thị H2 (tức mẹ của cụ Nguyễn Thị C) và cụ C đã hết sức lao động. Toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 nhà cấp 4, nhà bếp, khu vệ sinh, mái tôn, cây ăn quả là do vợ chồng ông tạo lập, xây dựng vì cố H2, cụ C đã già yếu, có bệnh người già và không lao động được.

Nay bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSD đất cấp ngày 23/5/2016 đối với diện tích đất 352,8m^2 thuộc thửa đất số 95 đứng tên ông Nguyễn Văn T1 và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị C để lại là quyền sử dụng thửa đất này thì ông không đồng ý vì lý do lúc mẹ ông (tức cụ C) còn sống đã chia cho ông thửa đất này; ông đã chia cho bà T 01 ô đất có diện tích 130m^2 ở thôn Đ đúng như di nguyện của mẹ ông đã chia cho các con và khi đó bà T có mặt cũng hoàn toàn đồng ý.

Khi làm GCNQSD đất đứng tên ông (chuyển tên từ cụ C sang tên ông) thì ông có văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 12/8/2015 tại Văn phòng C1, Vĩnh Phúc có thể hiện nội dung là cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị C chỉ có 1 người con trai duy nhất là Nguyễn Văn T1, ngoài ra không có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị C đã chết từ lâu. Ông trình bày như trên ở văn bản khai nhận di sản thừa kế là vì Công chứng viên hỏi ông là bố mẹ sinh được mấy anh em trai, ông nói: Bố mẹ sinh được ông là con trai và em gái đã đi lấy chồng.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Anh Nguyễn Anh T3 trình bày:

Anh là con của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1. Thửa đất có diện tích 352,8m^2 tại Đ, Đ, V, Vĩnh Phúc là do các cụ để lại đời trước truyền lại cho đời sau chứ không phải của riêng cụ Q và cụ C. Khi bà T xuống đòi phần đất vào tháng

7/2020 thì anh đi làm về, có nghe câu chuyện giữa bố anh là ông T1 và bà T, nội dung câu chuyện như sau: Bà T nói *"Khi còn mẹ, mẹ bảo cho anh (tức ông T1) ở đây (là ô đất ở Đ) để anh thờ cúng các cụ, còn phần em là ở đất trên thôn Đm^2 mẹ bảo cho em, bây giờ anh chị cho em"*; ông T1 nói *"Anh sẽ giải quyết cho cô theo lời của mẹ"*. Câu chuyện trưa hôm đó là hoàn toàn có thật.

Cuối năm 2020, bố anh là ông Nguyễn Văn T1 đã cho bà T 130m^2 ở thửa đất khu Đông Nghĩa theo đúng ý nguyện của cụ C và theo ý kiến của bà T. Hiện tại thửa đất 130m^2 đó đã được bố anh sang tên cho bà T. Nay bà T khởi kiện là bà T đang làm trái với di nguyện của cụ C và làm trái với những lời thỏa thuận chia đất đai giữa ông T1, bà T và cụ C. Trên thửa đất diện tích 352,8m^2 trên, năm 2017 anh có xây dựng mái tôn để làm xưởng rộng khoảng 120m^2, ngoài ra anh không đóng góp xây dựng gì thêm. Anh yêu cầu bà T rút đơn khởi kiện để thực hiện đúng theo những thỏa thuận khi cụ C còn sống.

3.2. Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày:

Ngày 16/10/2015, Văn phòng Đ1 Chi nhánh V (gọi tắt là: Chi nhánh) tiếp nhận hồ sơ đề nghị khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T1 ở địa chỉ: TDP Đ, phường Đ, thành phố V. Chi nhánh đã kiểm tra hiện trạng, đăng ký biến động tăng giảm diện tích và lập Phiếu chuyển thông tin địa chính để chuyển sang Chi cục thuế thành phố V xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp của người sử dụng đất. Ngày 13/5/2016, Chi cục thuế thành phố V đã có thông báo lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân đối với ông Nguyễn Văn T1. Theo đề nghị của người sử dụng đất, trên cơ sở Văn bản khai nhận di sản thừa kế và hồ sơ trình ký của Chi nhánh, ngày 23/5/2016 Sở T đã ký cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn T1, thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2 (trong đó 150 m^2 đất ở và 202,8 m^2 đất CLN), địa chỉ thửa đất tại TDP Đ, phường Đ, thành phố V, số phát hành CĐ101380, số vào sổ cấp GCN QSD đất CS 04003.

Căn cứ pháp luật về việc cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T1: Điều 99 Luật Đất đai 2013; trình tự thủ tục: theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; thành phần hồ sơ: theo khoản 2 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. Vì vậy, Sở T đã cấp GCNQSD đất số phát hành CĐ101380 cho ông Nguyễn Văn T1 đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

4. Kết quả xác minh tại nơi ông T1 cư trú, UBND phường Đ cung cấp như sau:

Khi còn sống, vợ chồng cụ Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị C có một thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Được UBND thị xã V cấp

GCNQSD đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C, diện tích 361m^2 thuộc thửa số 389, tờ bản đồ số 10, tại phường Đ, thị xã V ngày 11/7/2003). Cụ Q và cụ C sinh được 02 người con là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T, ngoài ra hai cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ Nguyễn Văn Q chết ngày 28/11/1974, cụ Nguyễn Thị C chết ngày 12/6/2015. Hai cụ chết có để lại di chúc hay không thì địa phương không rõ.

Cụ Q chết khi ông T1 và bà T còn nhỏ. Khi trưởng thành, bà T lập gia đình và ở nơi khác; vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 ở chung với cụ C. Sau khi cụ C chết, vợ chồng ông T1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 95 do các cụ để lại cho đến nay. Năm 2016, ông Nguyễn Văn T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSD đất đối với thửa đất diện tích 352,8m^2, số thửa 95, tờ bản đồ 56, tại địa chỉ tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V do cụ Q, cụ C để lại.

Ngày 26/01/2016, vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 nhận chuyển nhượng 100m^2 đất của bà H3 hàng xóm liền kề với hướng Nam của thửa đất số 95 (dài 25,97m và 26,75m; rộng 3,86m và 3,79m). Thửa đất mua thêm đã được cấp GCNQSD đất đứng tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1 (thửa số 123, tờ bản đồ số 56, địa chỉ: TDP Đ, phường Đ, thành phố V). Tài sản hiện có trên thửa đất số 95 do hộ ông T1 tạo lập được hay do các cụ để lại thì đề nghị Tòa án hỏi các đương sự để làm rõ.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại là thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2 (trong đó 150,0m^2 đất ở và 202,8m^2 đất CLN), địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn T1 được sử dụng toàn bộ thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2 (trong đó 150,0m^2 đất ở và 202,8m^2 đất CLN), địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) là trị giá 150m^2 đất phần di sản bà Nguyễn Thị T được chia.

- Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Anh T3 được sử dụng toàn bộ tài sản có trên thửa đất số 95, diện tích 352,8m^2, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/5/2016 cho ông Nguyễn Văn T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án; nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự.

6. Kháng cáo, kháng nghị:

6.1. Ngày 29/9/2022, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

6.2. Ngày 05/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1509/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia kỷ phần thừa kế cho bà T được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm:

7.1. Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, chia di sản thừa kế cho nguyên đơn bằng hiện vật.

7.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế cho nguyên đơn bằng hiện vật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án và ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Anh T3 đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông T1, bà H1, anh T3 đều không nhận giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt những người trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thì thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét và đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, thông qua đó đã xác định: thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2 tại địa chỉ tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại và người được hưởng di sản thừa kế của cụ C gồm ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị C) là đúng quy định của pháp luật. Theo đó, khi chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông T1 có nhiều năm ở với cụ C, có công tu tạo, quản lý di sản nên đã trích cho ông T1 quyền sử dụng 52,8m^2 đất (tương đương trị giá 422.400.000 đồng); còn lại quyền sử dụng 300m^2 đất, đã chia cho ông T1 và bà T mỗi người được hưởng 150m^2 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Tuy vậy, khi xem xét để chia di sản thừa kế bằng hiện vật thì Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá: *"Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, trên phần đất di sản hộ ông T1 đã xây nhiều công trình (chủ yếu xây dọc theo đất). Ngoài ra, ngày 26/01/2016 vợ chồng ông T1 nhận chuyển nhượng 100m^2 đất của bà H3 hàng xóm liền kề với hướng Nam của thửa đất số 95 (dài 25,97m và 26,75m X rộng 3,86m và 3,79m). Thửa đất mua thêm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1 (thửa số 123, tờ bản đồ số 56, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc). Mặc dù thửa đất mua thêm có chiều ngang rất ngắn, chỉ hơn 3m nhưng ông T1 vẫn mua thêm thửa đất này vì có vị trí giáp sân nhà ông và để anh T3 làm mặt bằng để máy móc, thiết bị cơ khí sản xuất khung nhôm cửa kính. Nếu chia ngang đất thì một nửa đất sẽ giáp mặt đường, nửa phía trong không giáp mặt đường bất tiện cho việc đi lại, đồng thời sẽ*

cắt ngang nhà ông T1 đang ở. Nếu chia dọc đất thì chỉ có thể chia cho bà T phần sân là nơi anh T3 đang đặt máy móc làm khung nhôm, cửa kính, nhà ông T1 đang ở quay mặt vào sân và ông mua đất của bà H1 cũng giáp sân nên nếu chia sân cho bà T thì diện tích đất mua thêm không sử dụng vào việc gì được vì vừa dài, vừa hẹp, anh T3 không có mặt bằng để sản xuất. Tại phiên tòa, bà T trình bày hiện nay bà đang có đất ở thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và trước đây ông T1, bà T cũng đã chia nhau thửa đất mà bố mẹ để lại mỗi người một thửa (bà T được chia 130m^2) như vậy bà T không bức xúc về nhu cầu sử dụng đất. Do vậy, việc chia di sản bằng hiện vật cho bà T sẽ rất bất tiện cho gia đình ông T1, làm ảnh hưởng đến cuộc sống mưu sinh của gia đình ông T1. Vì vậy, cần chia di sản thừa kế của cụ C cho bà T bằng tiền tương đương với trị giá đất mà bà được hưởng thừa kế. Ông T1 được sử dụng toàn bộ thửa đất số 95..., ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà T phần di sản mà mà T được hưởng thừa kế của cụ C tương ứng với trị giá 150m^2 quyền sử dụng đất là 1.200.000.000đ. Ngoài ra, ông T1, bà H1, anh T3 được sử dụng toàn bộ tài sản trên đất vì các đương sự đều công nhận tài sản trên đất của ông T1, bà H1, anh T3".

Việc nhận định như trên và từ đó quyết định giao toàn bộ thửa đất số 95 cho ông T1 mặc dù bảo đảm được việc sử dụng đất ổn định của gia đình ông T1; tuy nhiên, bà T luôn giữ nguyên yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật nên đã kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cũng kháng nghị cùng nội dung yêu cầu chia di sản thừa kế cho bà T bằng hiện vật.

[2.3] Tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự quy định: *"Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia"*.

[2.4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Thửa đất tranh chấp có hình thể khá vuông vắn; đo đạc thực tế có diện tích 352,8m^2, chiều rộng tiếp giáp mặt đường là 13,8m, chiều sâu thửa đất trên 22m. Thửa đất này có cạnh phía Nam tiếp giáp thửa đất số 123 gia đình ông T1 đã nhận chuyển nhượng của bà H3 năm 2016 có cạnh giáp mặt đường rộng khoảng 3,8m (đã được cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1). Về thực trạng việc sử dụng đất thì trước thời điểm tranh chấp, gia đình ông T1 đã làm nhà ở ổn định trên khoảng ½ phía Bắc thửa đất (giáp thửa 42) gồm: 01 nhà cấp bốn xây dựng năm 1998, 01 nhà cấp bốn xây dựng năm 2018, nhà kho và mái tôn; phần còn lại khoảng ½ thửa đất phía Nam tiếp giáp thửa đất số 123 gia đình ông T1 đã dựng mái tôn và nhà kho.

[2.5] Trên cơ sở quy định của pháp luật, diện tích và hiện trạng sử dụng đất nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc chia di sản thừa kế cho bà T bằng hiện vật là có căn cứ, cần được chấp nhận. Theo đó, để bảo đảm việc bà T được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, đồng thời để bảo đảm việc sử dụng đất hiệu quả hơn cho gia đình ông T1 thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho bà T được quyền sử dụng 150m^2 đất tại vị trí phía Bắc của thửa đất số 95 (tiếp giáp thửa đất số 42, có sơ đồ kèm theo Bản án phúc thẩm). Tuy nhiên, do trên phần đất này có các công trình, vật kiến trúc đã được gia đình ông T1 xây dựng hợp pháp từ trước nên để được nhận đất thì bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T1 giá trị các công trình, vật kiến trúc không thể tháo dỡ, di dời; gia đình ông T1 được quyền lưu cư trong một khoảng thời gian pháp luật quy định để chuẩn bị nơi ở mới; các bên không phải thanh toán cho nhau chênh lệch giá trị tài sản được chia là vừa bảo đảm sự hợp lý, hợp tình và vừa bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

Cụ thể, giá trị các công trình, vật kiến trúc không thể tháo dỡ, di dời trên phần diện tích đất chia cho bà T (theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Cổ phần Đ2 đo vẽ ngày 26/6/2023 kèm theo Bản án phúc thẩm là diện tích theo chỉ giới: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1), bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các công trình, vật kiến trúc này cho ông T1 gồm có:

- Nhà 04 gian xây dựng năm 1998, diện tích 73,9m^2 = 50.000.000 đồng;

- Nhà 02 gian có phòng vệ sinh xây dựng năm 2016: diện tích 20,4m^2 x 500.000đ/m^2 = 10.200.000 đồng;

- Nhà kho kết hợp mái tôn diện tích 19,2m^2 x 300.000đ/m^2 = 5.760.000 đồng.

Tổng cộng = 65.960.000 đồng.

[2.6] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy GCNQSD đất: Do kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc chia di sản thừa kế cho bà T bằng hiện vật được chấp nhận, theo đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc hủy GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/5/2016 cho ông Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 95. Trên cơ sở quyết định của bản án, các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu được cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định.

[3] Đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ lại thửa đất tranh chấp: Do bà T đã tự nguyện chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại là thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C theo pháp luật.

1.1.1. Chia cho ông Nguyễn Văn T1 được quyền sử dụng 202,8m^2 đất thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 56, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Cổ phần Đ2 đo đạc ngày 26/6/2023 có vị trí ký hiệu là DT2 theo chỉ giới 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 4.

1.1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 150m^2 đất thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 56, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Cổ phần Đ2 đo đạc ngày 26/6/2023 có vị trí ký hiệu là DT1 theo chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1.

1.1.3. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1 giá trị các công trình, vật kiến trúc trên đất gồm: 01 nhà 04 gian xây dựng năm

1998, diện tích 73,9m^2; 01 nhà 02 gian có phòng vệ sinh xây dựng năm 2016, diện tích 20,4m^2; 01 nhà kho kết hợp mái tôn diện tích 19,2m^2; tổng cộng là 65.960.000 (sáu mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

1.1.4. Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Anh T3 và các thành viên trong gia đình được quyền tiếp tục sử dụng các công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị T (gồm: 01 nhà 04 gian xây dựng năm 1998, diện tích 73,9m^2; 01 nhà 02 gian có phòng vệ sinh xây dựng năm 2016, diện tích 20,4m^2; 01 nhà kho kết hợp mái tôn, diện tích 19,2m^2) trong thời gian 06 (sáu) tháng để xây dựng nơi ở mới, kể từ ngày bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu tại mục 1.1.3 ở trên. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn 06 (sáu) tháng ở trên, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Anh T3 và các thành viên trong gia đình phải có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời các công trình, vật kiến trúc nêu trên cùng 01 mái tôn có diện tích 38,4m^2 và các cây cối, công trình, vật kiến trúc khác (nếu có) trên phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị T để giao đất cho bà Nguyễn Thị Thanh quản l, sử dụng.

(Có Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Cổ phần Đ2 đo đạc ngày 26/6/2023 kèm theo Bản án phúc thẩm).

1.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CĐ 101380, số vào sổ cấp GCN: CS 04003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/5/2016 cho ông Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 56, diện tích 352,8m^2, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.3. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định.

1.4. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án; nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thủ tục thi hành án dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại Bản án sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu; trả lại cho bà Nguyễn Thị T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Nguyễn Quốc T4 nộp thay bà T tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006914 ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/10/2023.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền